

**KẾ HOẠCH**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**

-----

Thực hiện Công văn số 02-CV/BCĐTW, ngày 16/8/2022 của Ban Chỉ đạo Tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch “*Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW) như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Tổng kết, đánh giá đúng tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Việc tổ chức triển khai thực hiện, những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Dự báo tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh, những bối cảnh mới, yêu cầu cấp thiết mới đặt ra cho các giai cấp, thành phần xã hội, các tầng lớp nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trên cơ sở đó, đề xuất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước ta phát triển phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng và bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

**2. Yêu cầu**

Công tác tổng kết, đánh giá phải khách quan, nghiêm túc, phản ánh đúng thực tiễn. Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở; bảo đảm tổng kết toàn diện, sâu sắc, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

**II. NỘI DUNG TỔNG KẾT**

1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

2. Đánh giá kết quả 20 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW về tình hình khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay (*thực trạng và những vấn đề cấp thiết đặt ra cho các giai cấp, thành phần xã hội, các tầng lớp nhân dân trong giai đoạn 2003 - 2022*).

3. Đánh giá đúng những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW trong giai đoạn 2003 - 2022.

4. Đề xuất mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp trong thời gian tới nhằm tiếp tục củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước ta phát triển phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng và bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

5. Kiến nghị, đề xuất.

*(Gửi kèm Đề cương Báo cáo tổng kết)*

### **III. PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI VÀ THỜI GIAN TỔNG KẾT**

#### **1. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

Trên cơ sở dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW do Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu; Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị đánh giá hoặc nghiên cứu, cho ý kiến trực tiếp vào dự thảo Báo cáo để bổ sung, hoàn thiện, ban hành, gửi Ban Chỉ đạo Trung ương **trước ngày 15/11/2022**.

#### **2. Đối với các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy**

- Hướng dẫn các tổ chức Đảng trực thuộc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

- Căn cứ tình hình thực tế để có hình thức, quy mô tiến hành tổng kết phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW (theo Đề cương Báo cáo) gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban Dân vận Tỉnh ủy)* **trước ngày 15/10/2022**.

**3. Đối với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn.**

Tổng hợp tình hình, xây dựng Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của đơn vị *(theo Đề cương Báo cáo)* gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban Dân vận Tỉnh ủy)* **trước ngày 15/10/2022**.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Kế hoạch này chỉ đạo việc tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW tại địa phương, đơn vị đảm bảo chất lượng, đúng Kế hoạch và thời gian quy định.

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo

dối, đôn đốc các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này. Tổ chức Đoàn khảo sát đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW tại một số đơn vị, địa phương (khi cần thiết). Tổng hợp, tham mưu xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy **trước ngày 05/11/2022**.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Tổng kết Nghị quyết 23-NQ/TW,
- Ban Dân vận Trung ương (Hà Nội, T78),
- Vụ Đoàn thể nhân dân - BDV Trung ương,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003  
của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết  
toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh  
(Kèm theo Kế hoạch số 56-KH/TU, ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)**

-----

### **Phần thứ nhất**

#### **KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

#### **I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỜI ĐIỂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

##### **1. Bối cảnh**

##### **2. Tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn**

#### **I. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

##### **1. Khái quát tình hình**

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Đánh giá chung về tình hình, tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

##### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

- Việc tổ chức quán triệt và học tập Nghị quyết.

- Số lượng, tỷ lệ đảng viên nghiên cứu, học tập Nghị quyết.

- Đánh giá về việc nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2.2. Lãnh đạo việc cụ thể hóa Nghị quyết bằng các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

##### **3. Kết quả lãnh đạo thực hiện những chủ trương, giải pháp chủ yếu**

3.1. Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn; liên kết vùng, các giải pháp phát triển đối với vùng nghèo, miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

- Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng,

lãng phí; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

3.2. Xây dựng những định hướng chính sách, giải pháp đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân; đội ngũ trí thức; thanh niên; phụ nữ; cựu chiến binh; người cao tuổi; các nhà doanh nghiệp; các dân tộc thiểu số; đồng bào các tôn giáo; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

3.3. Việc phát huy vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

- Cụ thể hóa các cơ chế nhằm phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.
- Nhiệm vụ phục vụ nhân dân của các cơ quan nhà nước.
- Cơ chế và các điều kiện đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp nhận phản ánh, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; tham gia xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật; giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và đại biểu dân cử.

- Các hình thức để nhân dân tham gia ý kiến vào những vấn đề quan trọng của địa phương.

- Công tác chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp.

- Giáo dục cán bộ thực hành phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*” và “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”. Thực hiện phương thức dân chủ trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.

3.4. Việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Mở rộng Mặt trận Tổ quốc; đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân; xây dựng cộng đồng dân cư tự quản, phát huy giá trị hình thức cộng đồng truyền thống.

- Công tác phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động về cơ sở; vận động nhân dân xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

- Cử đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia các ủy ban, hội đồng, ban điều hành các dự án, chương trình kinh tế - xã hội có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở.

3.5. Về tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

- Công tác tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước, trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện các cuộc vận

động theo từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” theo 04 nội dung (phần 4) của Nghị quyết.

3.6. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; củng cố sự đoàn kết thống nhất trong từng cấp ủy, tổ chức đảng; vai trò gương mẫu của đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; cơ chế để người dân tham gia xây dựng Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân**

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm.

1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

### **2. Bài học kinh nghiệm**

## **Phần thứ hai**

## **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

1. Những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế, trong nước và địa phương tác động đến phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới.

2. Những vấn đề mới, nội dung cần quan tâm để nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới.

### **II. QUAN ĐIỂM**

### **III. MỤC TIÊU**

### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **V. KIẾN NGHỊ**

1. Kiến nghị đối với các cơ quan Trung ương.

2. Kiến nghị đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

-----